TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**36**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 10 năm 2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Lâm

2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Oanh K**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Lâm Đức T**, sinh năm 1988; Nơi ĐKHKTT: Tổ 17 phường D, quận E, TP. Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: K698/30 G, tổ 08, phường D, quận E, TP. Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Oanh K trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và ông Lâm Đức T đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 5 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đến đầu năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng tôi hay đi nhậu rồi về nhà chửi bới, đập phá

đồ đạc trong nhà. Mỗi lần tôi khuyên ngăn thì chồng tôi dùng lời lẽ thô tục chửi bới. Ngoài ra chồng tôi còn phó thác mọi việc trong gia đình chỉ một mình tôi gánh vác, chồng đi làm nhưng không đưa tiền cho tôi lo cho cuộc sống gia đình. Trong thời gian mâu thuẫn, chồng tôi bỏ về nhà mẹ chồng sinh sống tại K698/30 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hiện nay tôi và ông T đã sống ly thân, không còn liên lạc gì với nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lâm Đức T.

- *Về con chung:* Tôi và ông T không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

* Bị đơn là ông Lâm Đức T không có văn bản phản hồi, không tham gia các phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Tại biên bản xác minh ngày 30 tháng 8 năm 2019 ở địa phương nơi cư trú thể hiện: Ông Lâm Đức T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 17, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên ông T làm nghề lái xe nên thường xuyên không có mặt ở nhà vào giờ hành chính. Hiện nay, tại địa phương có bà Trương Thị Ngọc Lan là mẹ của ông Lâm Đức T đang sinh sống. Bà Nguyễn Thị Oanh K (vợ ông T) không có sinh sống tại địa phương.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng được đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc bà Nguyễn Thị Oanh K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lâm Đức T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà K được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Oanh K và ông Lâm Đức T không có con chung nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Oanh K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm Đức T có địa chỉ cư trú tại: Tổ 17 phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: K698/30 Trần Cao Vân, tổ 08, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng bị đơn là ông Lâm Đức T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Cả 02 lần mở phiên tòa, ông T đều không có mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Oanh K và ông Lâm Đức T đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Oanh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Lâm Đức T, lý do là vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu của bà K thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Nhưng trên thực tế thì vợ chồng bà K, ông T đã ly thân mỗi người sống ở mỗi nơi không ai còn quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương thể hiện tình trạng cuộc sống vợ chồng mỗi người một nơi như bà K trình bày là có thật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thực hiện được do vắng mặt ông T. Tòa án cũng không nhận được văn bản phản hồi của ông T. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông T là thoả đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Oanh K và ông Lâm Đức T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Oanh K xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Oanh K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Nguyễn Thị Oanh K đối với ông Lâm Đức T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Oanh K được ly hôn với ông Lâm Đức T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Oanh K phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà K đã nộp tại biên lai thu số 0004912 ngày 03.7.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Oanh K đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND p. Xuân Hà, q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Dân